

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **321/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 30- 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Huỳnh Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 724/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đoàn Thị T, sinh năm 1983

- Bị đơn: Nguyễn Minh C, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2018 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2002 chị T và anh C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S (giấy chứng nhận kết hôn số 582/2005). Thời kỳ chung sống giữa chị T và anh C có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh 24/7/2005; Nguyễn Thị Bích T, sinh 07/02/2008; Nguyễn Phong T, sinh 04/01/2013.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, anh C đánh chị T 03 lần và chị T cũng có đánh lại anh C, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh C. Về con yêu cầu nuôi cháu T, đối với cháu T và cháu T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 01 tháng 695.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do chị T thường xuyên nói chuyện lớn tiếng với anh C, do tính anh C nóng nên có đánh chị T 03 lần, ngoài ra anh C còn nghi ngờ chị T ngoại tình, từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn còn hạnh phúc.

Nay anh C yêu cầu được đoàn tụ với chị T. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có yêu cầu như sau: Về con đồng ý giao cho chị T nuôi cháu T, đối với cháu T và cháu T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Ý kiến của cháu T và cháu T có tại hồ sơ, thể hiện: Các cháu có nguyện vọng được sống với chị T.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Cà Mau nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị T cho rằng mục đích hôn nhân giữa vợ chồng không còn hạnh phúc và cương quyết ly hôn, nhưng anh C lại cho rằng cuộc sống

vợ chồng vẫn còn hạnh phúc và yêu cầu đoạn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh C đều thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình với nhau (đánh nhau 03 lần), hơn nữa chị T xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn chuyện tiền bạc và anh C xác định có nghi ngờ chị T ngoại tình dù không có căn cứ, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, do đó có căn cứ xác định chị T và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng và có hành vi bạo lực gia đình là trái với hôn nhân tiến bộ mà pháp luật quy định hiện nay, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị T và anh C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] Xét về con chung:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy các con chung Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Bích T đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến của các cháu, thì các cháu có nguyện vọng được sống với chị T, đối với cháu Nguyễn Phong T chị T và anh C thống nhất giao cho chị T nuôi, do đó cần giao các con chung cho chị T nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này và anh C phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị T đặt ra yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 01 tháng là 695.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy người trực tiếp nuôi con là chị T, do anh C là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng các con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 01 tháng là 695.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, lập luận, đánh giá nêu trên, có đầy đủ căn cứ buộc anh C cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu 01 tháng là 695.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Xét về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều, 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Đoàn Thị T và Nguyễn Minh C.

- Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dạy các con chung tên Nguyễn Thị T, sinh 24/7/2005; Nguyễn Thị Bích T, sinh 07/02/2008; Nguyễn Phong T, sinh 04/01/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản anh C thực hiện quyền này và anh C phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị T.

Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu T, cháu T mỗi cháu với số tiền 695.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ ngày 30/11/2018.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng anh C còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung và nợ chung không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0008825 ngày 22/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Anh C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- UBND thị trấn S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung